

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Đại Minh.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên họp: Ông Y Lương Byă - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 61/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018, về việc: “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 14/2019/QĐST-VDS ngày 29/3/2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trần M, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tạm trú tại: Đường Q, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Địa chỉ tạm trú cũ: Đường H, liên gia B1, buôn K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), (Có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1993;

Nơi cư trú cuối cùng: Đường H, liên gia B1, buôn K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Anh Trần M và chị Trần Thị Thùy T tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2009, sau đó đến ngày 03/02/2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng có 01 con chung là Trần Hữu P, sinh ngày 02/3/2010, hiện nay đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, đến đầu năm 2013 thì chị T bỏ nhà đi khỏi địa phương, anh M và gia đình đã đi tìm kiếm chị T nhiều nơi nhưng cho đến nay không có tin tức gì. Anh Trần M xác định

hiện không biết chị T đang ở đâu, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị Trần Thị Thùy T mất tích theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên họp:* Quá trình từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu, tuyên bố bà Trần Thị Thùy T mất tích. Người yêu cầu phải chịu tiền lệ phí việc dân sự và lệ phí đăng thông báo nhấn tin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh M yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị Trần Thị Thùy T mất tích, đây là việc dân sự “*yêu cầu tuyên bố một người mất tích*”. Chị T có nơi cư trú cuối cùng tại số Đường H, liên gia B1, buôn K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành niêm yết, xác minh và thông báo tìm kiếm chị Trần Thị Thùy T trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay đã hết thời hạn thông báo nhấn tin nhưng vẫn không có tin tức gì của chị T nên Tòa án tiến hành mở phiên họp xét đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích là đúng theo quy định tại Điều 388 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của đương sự: Anh Trần M và chị Trần Thị Thùy T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 03/02/2012, chung sống với nhau cho đến năm 2013 thì chị T bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức gì. Qua xác minh tại địa phương được biết chị Trần Thị Thùy T, có đăng ký tạm trú tại Đường H, liên gia B1, buôn K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 cho đến năm 2013 thì chị T bỏ đi khỏi địa phương anh Trần M đã đi tìm kiếm, Tòa án đã thông báo tìm kiếm chị T trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của chị T. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu của anh M.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M xác định không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần M phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Anh Trần M phải chịu 2.425.000đồng tiền lệ phí thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ vào số tiền 2.425.000đồng mà anh Trần M đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 và Điều 389 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích của anh Trần M.

Tuyên bố: Chị Trần Thị Thùy T mất tích.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh Trần M phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh M đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0008343 ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Trần M phải chịu 2.425.000đồng (*Hai triệu, bốn trăm hai năm nghìn đồng*) tiền lệ phí thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ vào số tiền 2.425.000đồng mà anh Trần M đã nộp theo phiếu thu số 161 ngày 20/11/2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông báo niêm yết.

- Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; tỉnh
- Chi cục THADS TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Trần Đại Minh

